

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 139/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 08 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (quy mô 7.200 heo thịt) tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (quy mô 7.200 heo thịt) của hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông họp ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (quy mô 7.200 heo thịt) tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 04/NVL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 03/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2023 và Công văn số 181/STNMT-CCBVM ngày 01 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (quy mô 7.200 heo thịt) (sau đây gọi là Dự án) của hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với các



nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử của đơn vị, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường; phối hợp với UBND huyện Đăk R'lấp thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Yêu cầu UBND huyện Đăk R'lấp không quy hoạch, không đề xuất quy hoạch khu dân cư và các công trình khác có liên quan xung quanh khu vực triển khai Dự án để đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật đối với nội dung đề xuất tại Tờ trình số 03/TTr-STNMT ngày 05/01/2023 và Công văn số 181/STNMT-CCBVMT ngày 01/02/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đăk R'lấp; hộ gia đình ông Nguyễn Vũ Luân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(L).

6



Lê Trọng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮP

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (quy mô 7.200 heo thịt)
tại thôn 12, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 08/02/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (Quy mô 7.200 heo thịt).
- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 12, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ dự án đầu tư: Hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân
- Đại diện là Ông: Nguyễn Vũ Luân Chức vụ: Chủ hộ
- Địa chỉ: Thôn 3, Xã Đắc Sin, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0935 588 992.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Khu đất dự kiến xây dựng Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân có diện tích 75.952,2m² tại thôn 12, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Khu đất thực hiện dự án có vị trí cách Quốc lộ 14 khoảng 4,0km về phía Đông Nam (theo đường chim bay), cách trung tâm xã Đắc Sin khoảng 8,0km về phía Bắc, cách trung tâm thị trấn Kiến Đức khoảng 6,0km về phía Nam.

Vị trí tiếp giáp khu đất dự án như sau:

- + Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp của người dân địa phương.
 - + Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp của người dân địa phương.
 - + Phía Nam: Giáp đường đất nội thôn.
 - + Phía Bắc: Giáp khe cạn.
- Khu đất được giới hạn bởi các điểm tọa độ khép góc như sau:

| Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 180°30', múi chiếu 3 ⁰ | | Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 180°30', múi chiếu 3 ⁰ | |
|----------|---|---------|----------|---|---------|
| | Y (m) | X (m) | | Y (m) | X (m) |
| 1 | 1.319.626 | 391.678 | 15 | 1.319.805 | 391.954 |
| 2 | 1.319.955 | 391.718 | 16 | 1.319.706 | 391.973 |
| 3 | 1.319.992 | 391.716 | 17 | 1.319.698 | 391.955 |
| 4 | 1.319.991 | 391.720 | 18 | 1.319.691 | 391.934 |

| Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3° | | Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3° | |
|----------|--|---------|----------|--|---------|
| | Y (m) | X (m) | | Y (m) | X (m) |
| 5 | 1.319.994 | 391.766 | 19 | 1.319.689 | 391.915 |
| 6 | 1.319.999 | 391.787 | 20 | 1.319.691 | 391.899 |
| 7 | 1.319.987 | 391.795 | 21 | 1.319.689 | 391.889 |
| 8 | 1.319.983 | 391.802 | 22 | 1.319.676 | 391.827 |
| 9 | 1.319.984 | 391.860 | 23 | 1.319.675 | 391.802 |
| 10 | 1.319.954 | 391.865 | 24 | 1.319.674 | 391.787 |
| 11 | 1.319.936 | 391.901 | 25 | 1.319.671 | 391.779 |
| 12 | 1.319.926 | 391.942 | 26 | 1.319.645 | 391.747 |
| 13 | 1.319.926 | 391.944 | 27 | 1.319.632 | 391.711 |
| 14 | 1.319.882 | 391.951 | 28 | 1.319.626 | 391.687 |

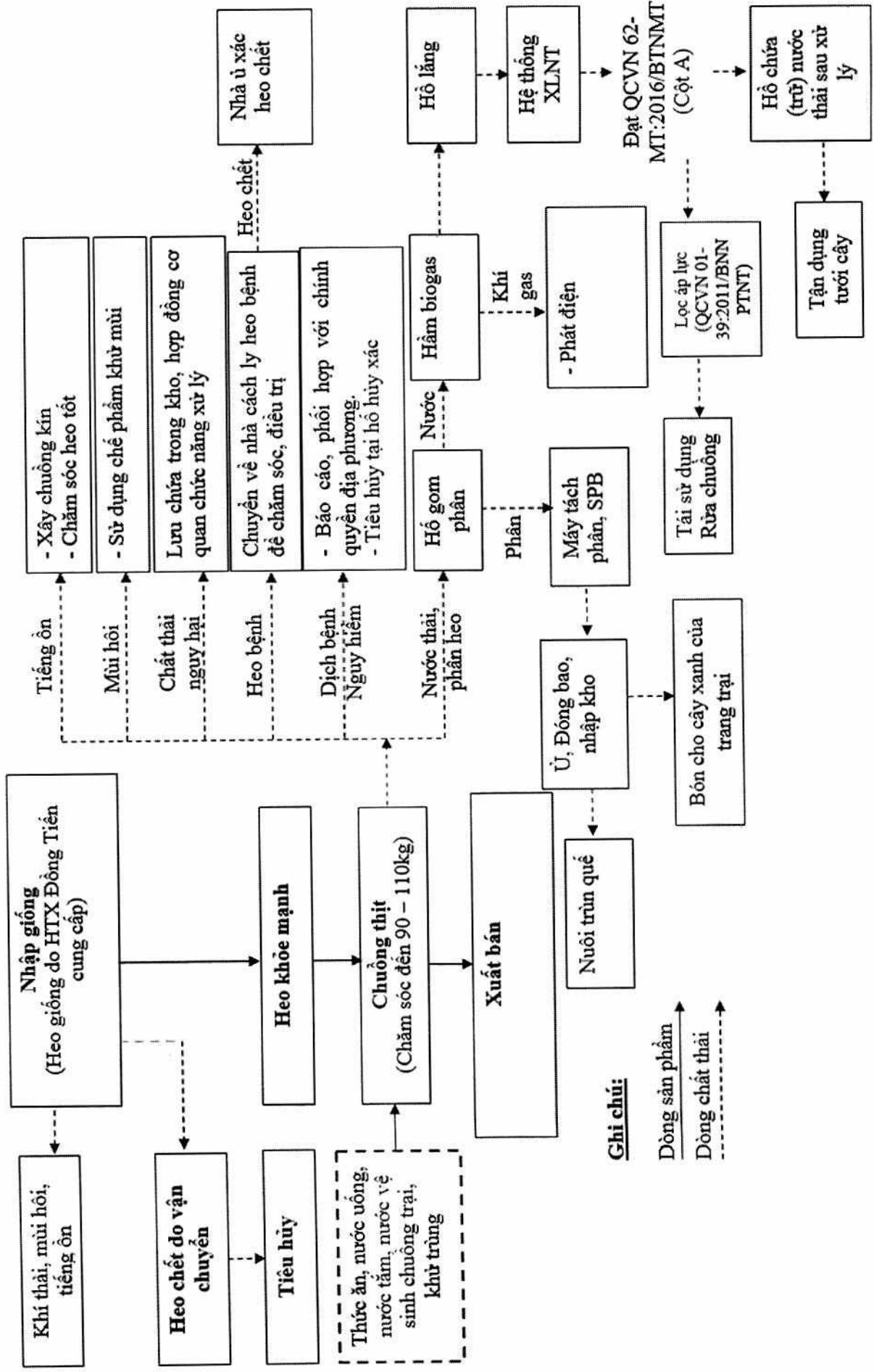
- Quy mô đàn: 7.200 con heo thịt.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ chăn nuôi áp dụng cho dự án là công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh, khép kín, bán tự động theo quy trình của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam đồng thời thực hiện theo Quyết định số 206/QĐ-CN-GV ngày 11/11/2021 của Cục Chăn nuôi về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi.

Sơ đồ dây chuyền công nghệ chăn nuôi của dự án như sau:





1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

| STT | Hạng mục | Số lượng công trình | Diện tích/1 đơn nguyên (m ²) | Tổng diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|--|---------------------|--|----------------------------------|--------------|
| A | CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH | | | 14.066,00 | 18,52 |
| <i>I</i> | <i>Các hạng mục phục vụ chăn nuôi</i> | | | <i>13.933,00</i> | <i>18,34</i> |
| 1 | Nhà nuôi heo | 6 | 2.100,00 | 12.600,00 | 16,59 |
| 2 | Nhà heo tân đảo | 1 | 20,00 | 20,00 | 0,03 |
| 3 | Nhà sát trùng xe tải | 1 | 40,00 | 40,00 | 0,05 |
| 4 | Nhà sát trùng công nhân | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 5 | Nhà xuất bán | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 6 | Silo cám tổng | 3 | 16,00 | 48,00 | 0,06 |
| 7 | Silo cám | 6 | 9,00 | 54,00 | 0,07 |
| 8 | Kho vaccine + thú y | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 9 | Kho hóa chất khử trùng | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 10 | Kho dụng cụ cơ khí | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 11 | Nhà cách ly heo bệnh | 1 | 20,00 | 20,00 | 0,03 |
| 12 | Khu mổ lâm sàng và lấy bệnh phẩm | 1 | 20,00 | 20,00 | 0,03 |
| 13 | Hồ khử trùng trước mỗi dãy chuồng | 6 | 1,00 | 6,00 | 0,01 |
| 14 | Đường dẫn heo có mái che | 1 | 1.065,00 | 1.065,00 | 1,40 |
| <i>II</i> | <i>Các hạng mục phục vụ sinh hoạt</i> | | | <i>133,00</i> | <i>0,18</i> |
| 1 | Nhà công nhân | 1 | 133,00 | 133,00 | 0,18 |
| B | CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ | | | 4.186,65 | 5,51 |
| 1 | Nhà bảo vệ | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 2 | Tháp nước heo uống 20m ³ | 1 | 9,00 | 9,00 | 0,01 |
| 3 | Tháp nước chăn nuôi 20m ³ | 1 | 9,00 | 9,00 | 0,01 |
| 4 | Tháp nước sinh hoạt 2m ³ | 1 | 9,00 | 9,00 | 0,01 |
| 5 | Hàng rào xây gạch Block cách ly trong trại | 1 | 78,40 | 78,40 | 0,10 |
| 6 | Cổng vào chính | 1 | 8,00 | 8,00 | 0,01 |
| 7 | Cổng phụ | 1 | 8,00 | 8,00 | 0,01 |
| 8 | Hàng rào xung quanh trại | 1 | 448,00 | 448,00 | 0,59 |
| 9 | Trạm điện | 1 | 12,25 | 12,25 | 0,02 |



| STT | Hạng mục | Số lượng công trình | Diện tích/1 đơn nguyên (m ²) | Tổng diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
|----------|--|---------------------|--|----------------------------------|---------------|
| 10 | Sân, đường bê tông nội bộ | 1 | 3.593,00 | 3.593,00 | 4,73 |
| C | CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | | | 57.699,55 | 75,97 |
| 1 | Nhà tách và ủ phân | 1 | 105,00 | 105,00 | 0,14 |
| 2 | Hồ gom phân và nước thải | 1 | 50,00 | 50,00 | 0,07 |
| 3 | Nhà ủ phân | 1 | 105,00 | 105,00 | 0,14 |
| 4 | Hầm biogas | 1 | 1.680,00 | 1.680,00 | 2,21 |
| 5 | Hồ lắng | 1 | 875,00 | 875,00 | 1,15 |
| 6 | Cụm xử lý nước thải 200m ³ và nước tái sử dụng | 1 | 208,00 | 208,00 | 0,27 |
| 7 | Hồ chứa nước thải sau xử lý | 1 | 2.080,00 | 2.080,00 | 2,74 |
| 8 | Hồ dự phòng sự cố | 1 | 240,00 | 240,00 | 0,32 |
| 9 | Bể tự hoại | 1 | 6,00 | 6,00 | 0,01 |
| 10 | Hệ thống thu gom và thoát nước mưa | 1 | 24,23 | 24,23 | 0,03 |
| 11 | Hệ thống thu gom và thoát nước thải | 1 | 49,60 | 49,60 | 0,07 |
| 12 | Nhà để máy phát điện | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 13 | Nhà để máy phát điện Biogas | 1 | 12,00 | 12,00 | 0,02 |
| 14 | Kho chứa chất thải nguy hại | 1 | 20,00 | 20,00 | 0,03 |
| 15 | Nhà ủ xác heo chết | 1 | 77,00 | 77,00 | 0,10 |
| 16 | Hồ hủy xác | 1 | 72,00 | 72,00 | 0,09 |
| 17 | Nhà nuôi trùn quế | 2 | 300,00 | 600,00 | 0,79 |
| 18 | Đất cây xanh, thảm cỏ | 1 | | 44.928,72 | 59,15 |
| 19 | Hồ nuôi cá 1 | 1 | | 1.339,00 | 1,76 |
| 20 | Hồ nuôi cá 2 | 1 | | 2.450,00 | 3,23 |
| 21 | Hồ nuôi cá 3 | 1 | | 1.285,00 | 1,69 |
| 22 | Hồ nuôi cá 4 | 1 | | 902,00 | 1,19 |
| 23 | Hồ nuôi cá 5 | 1 | | 579,00 | 0,76 |
| | Tổng cộng | | | 75.952,20 | 100,00 |

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

| STT | Các hoạt động | Nguồn gây tác động | Đối tượng bị tác động | Tác động |
|----------|--|---|---|--|
| A | Giai đoạn thi công xây dựng dự án | | | |
| 1 | Giải phóng mặt bằng | - Chất thải rắn: Thực bì, cành cây, lá cây... | Người dân sinh sống quanh khu vực | - Gây cháy, mất mát tài sản của người dân - Ô nhiễm môi trường nước |
| 2 | Hoạt động san ủi đào đắp nền, tạo mặt bằng | Bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải... | Người dân, công nhân thi công tại dự án | - Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân thi công, gây ra các bệnh nghề nghiệp - Làm suy giảm chất lượng môi trường sống, tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực |
| 3 | Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ VLXD, máy móc, thiết bị | Bụi, tiếng ồn, khí thải, đất cát rơi vãi. | - Người dân dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển và khu vực dự án - Công nhân vận hành | - Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân thi công, gây ra các bệnh nghề nghiệp - Làm suy giảm chất lượng môi trường sống, tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực |
| 4 | Hoạt động xây dựng công trình | Bụi, tiếng ồn, khí thải, chất thải rắn xây dựng. | Người dân, công nhân thi công tại dự án | - Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân thi công, gây ra các bệnh nghề nghiệp - Làm suy giảm chất lượng môi trường sống, tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực |
| 5 | Hoạt động sinh hoạt công nhân | Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, an ninh trật tự xã hội. | Người dân, công nhân thi công tại dự án | Làm suy giảm chất lượng môi trường sống, tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu |



| STT | Các hoạt động | Nguồn gây tác động | Đối tượng bị tác động | Tác động |
|----------|--|---|--|--|
| | | | | vực |
| 6 | Hoạt động tháo dỡ lán trại công nhân | Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn | Công nhân thi công tại dự án | Làm suy giảm chất lượng môi trường sống, tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực |
| B | Giai đoạn vận hành | | | |
| 1 | Hoạt động của phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm | Bụi, nước thải, khí thải, tiếng ồn, an toàn giao thông. | <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí, đất, nước. - Đường GT, tài xế, người tham gia giao thông, người dân 02 bên đường. | <p>Khu vực dự án có thảm thực vật tốt, cách xa khu dân cư, xung quanh phần lớn là diện tích đất nông nghiệp của người dân, bên cạnh đó diện tích cây xanh theo quy hoạch tại dự án lớn nên các tác động đến môi trường và các đối tượng xung quanh là không đáng kể.</p> <p>Hoạt động của phương tiện có tác động đến hạ tầng giao thông khu vực và làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông khu vực.</p> |
| 2 | Hoạt động chăn nuôi | <ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, mùi hôi. - Nước thải chăn nuôi - Nước mưa chảy tràn - Tiếng ồn, độ rung - chất thải rắn, chất thải nguy hại - An ninh trật tự, an toàn lao động - Sự cố môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí, đất, nước. - Người dân khu vực, công nhân viên của trang trại. - An toàn lao động cho công nhân trang trại - An ninh trật tự, kinh tế xã hội của khu vực. | <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân trang trại. - chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải gây ô nhiễm môi trường nước ngầm, nước mặt, môi trường đất, gây tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực. - Tác động tiêu cực và tích cực đến kinh tế - xã hội và an ninh khu vực. |

| STT | Các hoạt động | Nguồn gây tác động | Đối tượng bị tác động | Tác động |
|-----|-------------------------|---|---|---|
| 3 | Hoạt động của công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn, chất thải nguy hại - An ninh trật tự địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí, đất, nước. - Người dân khu vực, công nhân viên của trang trại. - An ninh trật tự, kinh tế xã hội của khu vực. | <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân trang trại. - chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải gây ô nhiễm môi trường nước ngầm, nước mặt, môi trường đất, gây tác động xấu đến sức khỏe của người dân khu vực. - Tác động tiêu cực và tích cực đến kinh tế - xã hội và an ninh khu vực. |

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất): ước tính khoảng 225,28 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia thi công xây dựng dự án): phát sinh lớn nhất khoảng 18 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), vi khuẩn,...

- Nước từ quá trình vệ sinh phương tiện thiết bị: ước tính khoảng 4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất): ước tính khoảng 264,87 m³/ngày.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo (Nước tiểu của heo, nước thải tắm, vệ sinh chuồng; nước thải dọn phân ra khỏi chuồng; nước thải phun khử mùi sau quạt hút; dịch lỏng sau tách phân) phát sinh khoảng 151,12 m³/ngày.đêm và lượng nước mưa vào mùa mưa rơi vào các hồ xử lý nước thải khoảng 7,88m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu chứa nhiều chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải tại nhà sát trùng phát sinh khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là cặn đất, chất rắn lơ lửng, các hóa chất trong quá trình phun sương khử trùng xe.

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên) $2,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi từ các khu vực như chuồng nuôi, hệ thống thu gom nước thải, quá trình phân hủy phân tại khu vực nhà tách phân và ủ phân, nhà nuôi trùn quế, kho chứa phân, quá trình phân hủy xác heo chết tại nhà ủ xác heo, hố ủ xác (Thành phần chủ yếu là khí NH_3 , H_2S , CH_4 , Mecaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi), khí sinh học từ hệ thống hầm biogas (Thành phần chủ yếu là CH_4 , CO_2 , Nitơ, H_2 , O_2 , H_2S), hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án (Thành phần chủ yếu là TSP, SO_2 , NO_2 , CO).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng $60\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy, chai lọ ...

- Chất thải rắn thông thường do hoạt động phát quang mặt bằng và san lấp mặt bằng: ước tính khoảng $939,11$ tấn thực bì (gồm trụ tiêu, thân, cành, lá từ phát quang); 163.140 m^3 đất, đá.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng $346 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất thải rắn như gỗ vụn, kim loại (khung nhôm, sắt, đinh, ...), carton, xà bần, vữa, vỏ đựng các vật liệu,...

- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng $116,8 \text{ kg}$. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng sơn thải bỏ, que hàn, ...

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $7,5 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy và các loại bao bì, giấy, bì carton, chai lọ đựng thức ăn, đồ uống,...

- Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi:

+ Phân heo phát sinh khoảng $7,74$ tấn phân/ngày.đêm, Tỷ lệ các chất trong phân heo chủ yếu gồm: Nước (82%), Nitơ (0,6%), P_2O_5 (0,41%), K_2O (0,26%), CaO (0,09%), MgO (0,1%). Ngoài ra, trong phân còn có chứa nhiều loại vi khuẩn, virus và trứng, ký sinh trùng.

+ Bùn thải từ hầm biogas: khoảng 417 kg/ngày. Bùn thải từ hầm biogas là hợp chất đã được lên men yếm khí, có tính chất hữu cơ với độ mùn cao, dễ phân hủy.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi khoảng 15,7 kg/ngày và bùn từ hệ thống xử lý nước tái sử dụng khoảng 2,6 kg/ngày. Bùn có thành phần chất hữu cơ dễ phân huỷ và hấp thụ

+ Bùn phát sinh từ bể tự hoại.

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: bình quân 5 năm thay một lần với khối lượng giấy làm mát sau khi thay phát sinh khoảng 1,83 tấn/lần thay.

+ Heo chết do bệnh thông thường: ước tính khoảng 4 kg – 12kg/ngày.

- Chất thải nguy hại:

+ Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trang trại ước tính khoảng 15 kg/năm. Thành phần chủ yếu là các loại bóng đèn huỳnh quang bị hỏng, pin các loại, sạc điện thoại,... ;

+ Phát sinh từ quá trình tiêm phòng chăm sóc thú y ước tính khoảng từ 10 kg/năm; Thành phần chủ yếu là các bao bì, chai lọ đựng thuốc thú y, thuốc vắc xin, thuốc sát trùng, ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng,...

+ Heo chết do dịch bệnh;

+ Dầu nhớt thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng máy phát điện của dự án, ước tính khoảng 192 lít/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh do hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng như xe vận tải, máy trộn bê tông, máy đào, ...

3.3.2. Giai đoạn vận hành: Hoạt động của các máy móc thiết bị như: máy phát điện, quạt công nghiệp, máy bơm,...; tiếng kêu của heo; hoạt động của các phương tiện vận chuyển heo, nguyên nhiên liệu,...

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động đến hạ tầng giao thông khu vực, tác động kinh tế- xã hội, tác động đến cảnh quan khu vực, tác động đến môi trường đất, sự cố (tai nạn lao động; tai nạn giao thông; rò rỉ nguyên, nhiên liệu và hóa chất; cháy nổ; sét đánh;...).

3.4.2. Giai đoạn vận hành: Nhiệt thừa, tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm, tác động kinh tế- xã hội, sự cố (cháy nổ; tai nạn lao động; dịch bệnh; sự cố hệ thống thu gom, xử lý chất thải;...).

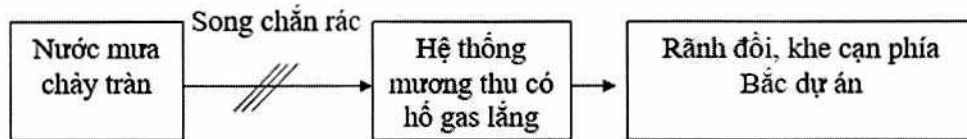
4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Công trình thu gom, thoát nước mưa:



Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

+ Đào hệ thống mương thoát nước tạm thời trên công trường, có bố trí các hồ ga xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học, để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá, vật liệu xây dựng hư hỏng và các tạp chất xuống suối và các khe xung quanh khu vực dự án.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước mưa chảy tràn.

- Công trình thu gom, xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh tạm có bể phốt cho công nhân sử dụng, định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút, xử lý.

+ Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: được thu gom về hồ lắng trên công trường, sau quá trình lắng sẽ thoát vào hồ thấm tự nhiên tại dự án.

b) Giai đoạn vận hành

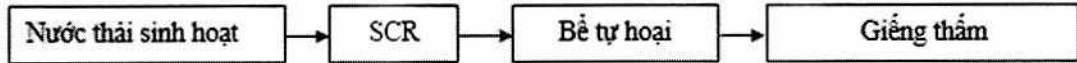
- Công trình thu gom, thoát nước mưa: xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.



Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa của trang trại

- Công trình thu gom, xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân của trại chăn nuôi được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn kết hợp giếng thấm.

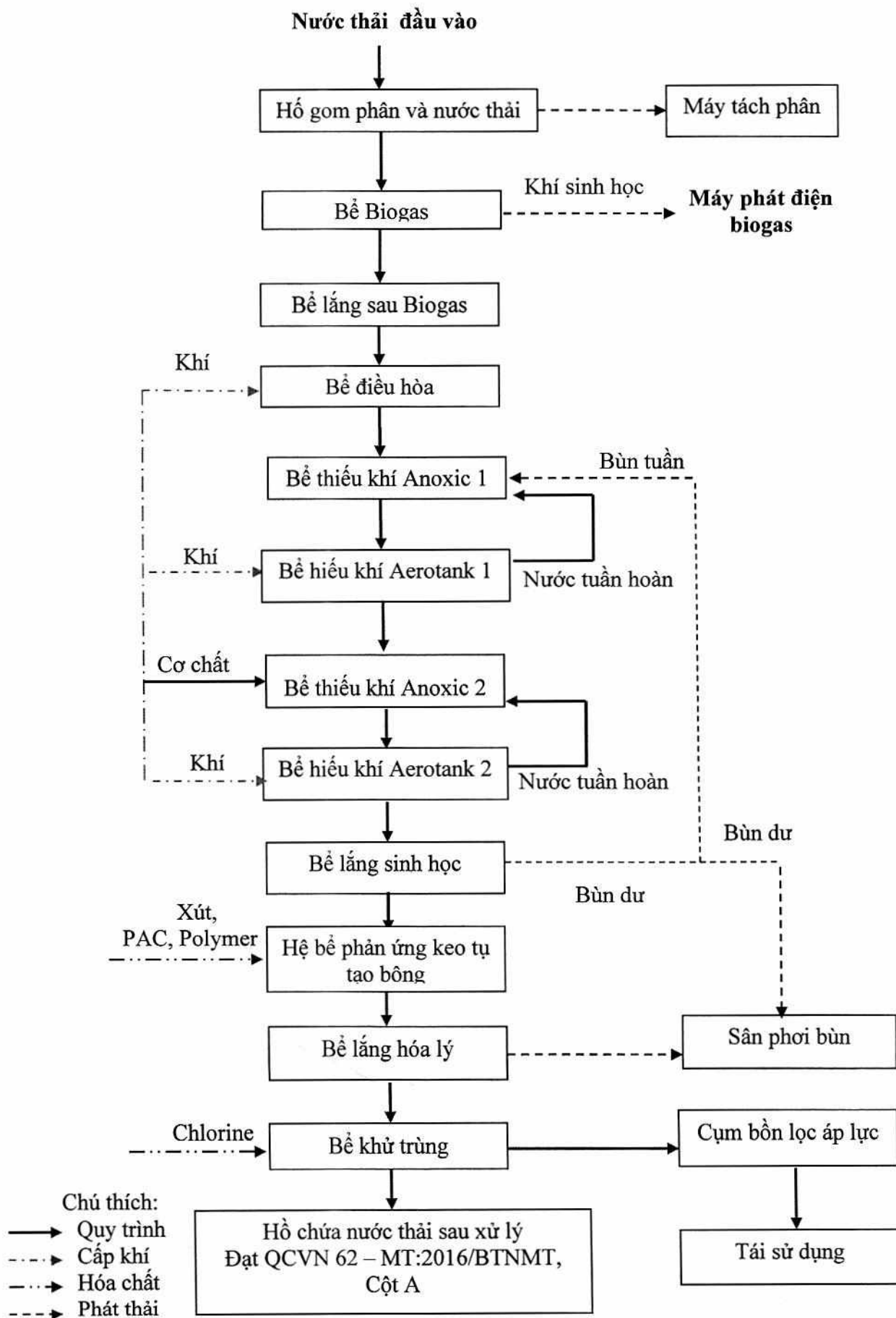


Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

+ Nước thải phát sinh từ nhà sát trùng sẽ được xử lý cục bộ bằng bể lắng 2 ngăn tại khu vực nhà khử trùng xe. Nước thải sau khi lắng được bổ sung hóa chất khử trùng và bơm tuần hoàn tái sử dụng. Bùn lắng chủ yếu là đất, cặn vôi sẽ được nạo vét và chôn lấp tại chỗ trong khuôn viên dự án.

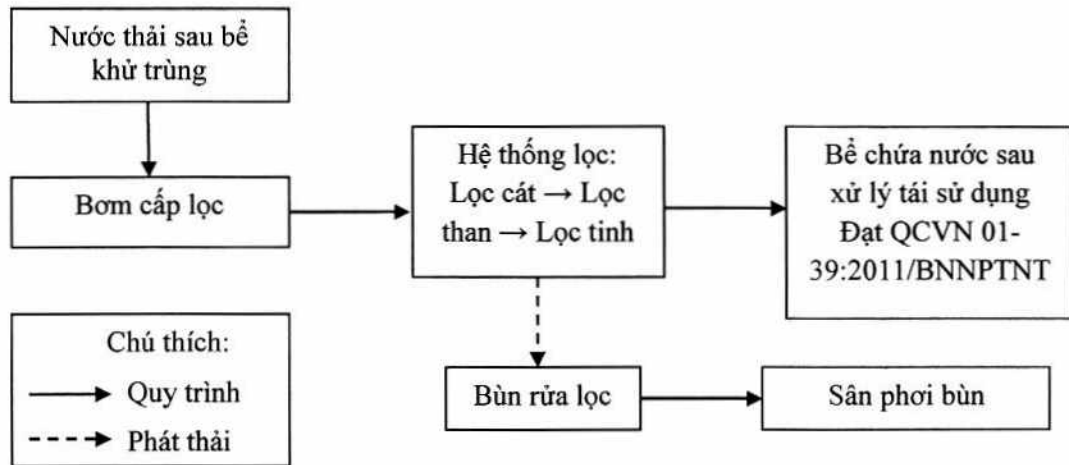
+ Nước thải chăn nuôi: Chủ dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải có công suất 200 m³/ngày.đêm để đảm bảo cho hoạt động xử lý nước thải của dự án, đạt QCVN 62-MT/2016/BTNMT (cột A; K_f = 1,1; K_q = 0,9). Nước thải sau xử lý được lưu trữ, tận dụng, tái sử dụng 100% cho hoạt động của dự án như rửa chuồng, cấp nước khử mùi và tưới cây.





Sơ đồ mô tả hệ thống thu gom và xử lý nước thải của trại chăn nuôi

7



Sơ đồ quy trình xử lý tại trạm xử lý nước sạch tái sử dụng

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định, đều có bạt che kín thùng xe.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Khi thời tiết khô hanh sẽ phun nước để giữ ẩm cho khu vực thi công, các bãi chứa vật liệu đá, cát và đường vận chuyển nội bộ.

- Bố trí công nhân thu dọn đất đá, vật liệu xây dựng rơi vãi tại cổng và đoạn đường trước công trường vào cuối ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Khí thải và mùi hôi trong chuồng trại: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng, làm cho độ ẩm trong thực phẩm và phân heo giảm đi đáng kể. Tắm heo hàng ngày, giữ cho chuồng nuôi luôn thông thoáng. Thường xuyên khơi thông các mương thu nước thải trong chuồng để tránh phân, nước thải ứ đọng làm phát sinh mùi.

- Mùi hôi sau quạt hút: dựng nhà lồng bao quanh bằng các tấm lưới nhựa đen có lỗ nhỏ, bên trong nhà lồng sẽ bố trí hệ thống phun sương, tại hệ thống phun sương sẽ tiến hành pha chế phẩm sinh học vào nguồn nước cấp cho hệ thống phun sương để giảm thiểu mùi hôi phát sinh ra môi trường.

- Hệ thống mương thu nước thải ngoài chuồng sẽ có nắp đan đậy kín, thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải.

- Đối với nhà chứa phân: Phân đã được ủ nên mùi không nhiều, sử dụng bao chứa phân gồm hai lớp, lớp bên trong là bao nilon để hạn chế mùi trong quá trình lưu chứa tại nhà ủ phân.

- Đối với nước thải: Chủ dự án lựa chọn phương pháp xử lý nước thải bằng hầm Biogas sẽ hạn chế đáng kể mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí của nước thải. Khí gas phát sinh từ hầm biogas sẽ được thu gom và sử dụng làm nhiên liệu cho máy phát điện biogas nếu thừa sẽ đốt bỏ bằng béc đốt gas thừa. Hàng ngày bổ sung chế phẩm sinh học vào nước thải để xử lý và giảm thiểu mùi hôi.

- Đối với nhà tách phân và ủ phân, nhà nuôi trùn quế, nhà ủ xác heo và hồ hủy xác: Hàng ngày phun thủ công chế phẩm khử mùi để hạn chế mùi hôi phát sinh ra môi trường xung quanh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhập và xuất heo thành phẩm:

+ Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

+ Phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói, bụi cho khu vực.

+ Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển. Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực trang trại.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên của trang trại nhằm tạo vùng cách ly xanh với bên ngoài. Trường hợp khi dự án đi vào hoạt động có ảnh hưởng đến các hộ dân sống gần dự án thì chủ dự án cam kết sẽ thỏa thuận với hộ dân và tự bỏ kinh phí mua quỹ đất ở với khoảng cách đảm bảo và hỗ trợ di dời các hộ ra khỏi bán kính ảnh hưởng của dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa có nắp đậy tại khu vực thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.



- Chất thải rắn thông thường do hoạt động phát quang mặt bằng:

+ Đối với thân, cành cây to sẽ thu gom, vận chuyển tập kết tại khu vực thuận lợi trong dự án và bán cho các đơn vị thu mua làm gỗ công nghiệp.

+ Đối với cành lá nhỏ, cây cà phê, cây ăn trái, rễ cây sẽ được thu gom bán cho người dân có nhu cầu, phần còn lại được vận chuyển đến bãi rác của huyện Đắk R'lấp.

+ Sau khi thực hiện phát quang, san gạt mặt bằng đối với những phần diện tích quy hoạch trồng cây xanh, hoa viên, chủ dự án sẽ tiến hành trồng lại cây để cải thiện cảnh quan, hệ sinh thái tại dự án.

+ Chủ dự án sẽ bố trí nhân viên thường xuyên giám sát chặt chẽ quá trình phát quang. Khu vực phát quang có ranh giới rõ ràng để không xâm phạm đến diện tích ngoài dự án, hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan và cây trồng của người dân xung quanh dự án.

- Lượng đất, đá phát sinh từ quá trình san lấp mặt bằng được tập kết tại nơi đất trống thích hợp trong khu vực dự án, sau đó tận dụng lại cho việc san nền.

- Chất thải rắn xây dựng: Đối với chất thải rắn là gỗ, ván, cốt, pha,... được thu gom và tái sử dụng lại, số bị hư hỏng, gãy nát được tận thu làm chất đốt. Các loại bao bì xi măng, bìa cotton sẽ được tận thu để bán phế liệu. Tận dụng lượng đất đào, phế thải trong xây dựng vào san lấp mặt bằng; phục vụ quá trình thi công, xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy tại khu vực nhà ở, nhà ăn và khu vực nhà điều hành. Hàng ngày phân loại và tập kết tại 02 thùng chứa loại 60 lít đặt tại công phụ của dự án. Chất thải không tái chế sẽ được lưu chứa trong 01 thùng chứa 120 lít có nắp đậy và Hợp đồng với đơn vị thu gom công cộng trên địa bàn xã đến thu gom, vận chuyển theo định kỳ 2 ngày/lần. Đối với chất thải tái chế sẽ được phân loại, tập trung tại địa điểm phù hợp và đem bán phế liệu.

- Chất thải rắn chăn nuôi:

+ Đầu tư 01 máy ép phân có công suất ép từ $10\text{m}^3/\text{h}$ để tách phân ra khỏi nước thải. Lượng phân thu được tại hố tách phân, bùn thải từ hầm biogas, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi, bùn từ hệ thống xử lý nước tái sử dụng: Toàn bộ được định kỳ thu gom đưa đi ủ để làm chất độn, thức ăn nuôi trùn quế và làm phân bón cho cây trồng (Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và xử lý nước tái sử dụng, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng phân định, nếu không có hàm lượng chất nguy hại sẽ đem đi ủ, nếu có thành phần nguy hại sẽ thu gom quản lý theo chất thải nguy hại).

+ Bùn phát sinh từ bể tự hoại: Thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý.

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: giấy làm mát là chất thải rắn thông thường và có thể tái chế nên khi thay thế chủ dự án sẽ liên hệ với đơn vị thu mua phế liệu để bán.

+ Heo chết do bệnh thông thường: xây dựng 01 nhà ủ xác heo (3 ngăn ủ) bằng cách ủ xác với mùn cưa và men vi sinh. Lượng phân thu được từ việc ủ xác heo sẽ được đóng bao và trộn với phân ủ từ phân heo để bón cây xanh trong khuôn viên dự án hoặc chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom làm nguyên liệu phân vi sinh, xương heo sau khi ủ mục sẽ được chôn trong hố chôn trong khuôn viên dự án. Ngoài ra, xây dựng 01 hố hủy xác để hủy xác heo 288m³ để tiêu hủy dự phòng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Dầu mỡ thải và các chất thải có yếu tố nguy hại khác được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa riêng (có nắp đậy, dán nhãn theo quy định) và bố trí kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại tại khu vực thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt và chăm sóc thú y: xây dựng 01 kho chứa có diện tích 20m² để lưu trữ chất thải nguy hại theo quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng để đựng chất thải nguy hại theo quy định. Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Thu gom vào thùng chứa chuyên dụng và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với xác heo chết do dịch bệnh: Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y; Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Ưu tiên sử dụng các máy móc và thiết bị ít gây ồn, rung. Các máy móc và thiết bị phải bảo trì thường xuyên để đảm bảo tình trạng hoạt động tốt.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, điều tiết chế độ làm việc của các phương tiện máy móc phù hợp, nên tập trung vào ban ngày và hạn chế hoạt động vào các giờ nghỉ trưa, tối.



4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Đối với tiếng ồn do heo kêu: đây là đặc trưng của hoạt động chăn nuôi heo, tuy nhiên do khu vực trang trại cách xa khu dân cư, nên mức độ ảnh hưởng là không đáng kể. Chủ trang trại sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh như sau:

+ Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng.

+ Cho heo ăn đúng giờ.

+ Hạn chế vận chuyển heo vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng trại.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện, quạt hút, máy bơm nước thải,... chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Hoàn thiện công nghệ: Bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với khu vực đặt máy phát điện; thiết kế khu vực đặt máy bơm cách ly với khu vực tập trung công nhân.

+ Hiện đại hoá thiết bị, sử dụng các loại thiết bị ít gây ồn và rung nhất: lắp ráp đúng quy trình kỹ thuật. Các biện pháp chống rung dễ dàng thực hiện nhưng hiệu quả cao, đó là: lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách.

+ Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn ngay sau khi lắp đặt thiết bị.

- Máy phát điện được đặt trong buồng kín để che nắng, che mưa và giảm thiểu tiếng ồn ra xung quanh trong khi hoạt động. Đồng thời, phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy, tránh tiêu hao nhiều nhiên liệu và tăng tiếng ồn, độ rung.

- Xe vận chuyển ra vào dự án phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, kiểm định kỹ thuật,...

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, các công trình, biện pháp khác theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Chương trình quản lý môi trường

- Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát nhà thầu thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các nhà thầu tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

- Đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi phát hiện nhà thầu vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

- Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng công trình xử lý, khắc phục khi xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường; kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và các vấn đề phát sinh.

5.1.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Giám sát khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Chương trình quản lý môi trường

- Bố trí 02 nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

- Giám sát nguồn thải và điểm thải của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.

- Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường.

- Đào tạo về an toàn và môi trường cho nhân viên.

- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

5.2.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ KK1: 01 điểm khu vực nhà ở công nhân (tọa độ giám sát: X = 391719; Y = 1319658).

+ KK2: 01 điểm khu vực xử lý nước thải (tọa độ giám sát: X = 391812; Y = 1319855).

+ KK3: 01 điểm khu vực tách, ủ phân (tọa độ giám sát: X = 391937; Y = 1319804).

- Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn, CO, NO_x, SO₂, CH₄.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b) Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ NT1: 01 điểm tại vị trí đầu vào tại hệ thống xử lý nước thải (tọa độ giám sát: X = 391816; Y = 1319817)

+ NT2: đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tọa độ giám sát: X = 391791; Y = 1319834)

- Thông số giám sát: giám sát lưu lượng nước thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: định kỳ 03 tháng/lần; giám sát khi có ý kiến khiếu nại của người dân và chính quyền địa phương; giám sát liên tục khi có sự cố môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A; $K_f=1,1$; $K_q = 0,9$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

c) Giám sát chất thải rắn thông thường

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn hệ thống xử lý nước tái sử dụng, giấy khu vực làm mát chuồng trại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vị trí giám sát:

+ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nhà ở và sinh hoạt của công nhân.

+ Giám sát chất thải rắn thông thường xung quanh khu chuồng trại, nhà chứa phân, ...

- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

d) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

đ) Giám sát khác

- Giám sát thường xuyên đối với hệ thống thu gom xử lý nước mưa; các nguy cơ của hệ thống xử lý nước thải khi nước mưa tràn vào có thể gây quá tải, tràn nước thải ra ngoài, sự cố vỡ bờ hồ của các hạng mục xử lý,...

- Giám sát sự cố cháy, nổ, mất an toàn tại hệ thống biogas; giám sát các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy khuấy, máy châm Clo..) và các biện pháp khắc phục kịp thời; giám sát việc bồi lắng dòng suối lân cận dự án. Báo cáo đến cơ quan quản lý liên quan khi có các sự cố xảy ra.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; thực hiện hoàn chỉnh các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường. Dự án phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A; $K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và các quy định có liên quan về môi trường và nước thải sau xử lý được lưu trữ, tận dụng, tái sử dụng 100% cho hoạt động của dự án như rửa chuồng, cấp nước khử mùi và tưới cây.

6.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; phân định bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

Chỉ được tích nước trong hồ sự cố khi xảy ra các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo ngay cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu, hồ sơ quản lý và giám sát môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./

